

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC  
SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÀO CAI NĂM 2025



PHỤ LỤC 03: KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ  
(Kèm theo Thông báo số 17/TB-HDĐT ngày 12/3/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai năm 2025)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
1	Bùi Thị Hiền	01/11/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	A Mú Sung	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	79,5	79,5	Trúng tuyển NV1		
2	Trần Thị Hồng	28/07/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT TH&THCS Láng Nhi	Phình Hồ			77,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
3	Nguyễn Thị Liên	06/07/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT THCS Lao Chai	Lao Chai	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	92,5	92,5	Trúng tuyển NV1		
4	Giàng A Rùa	17/04/1991	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Toán	PTDTBT THCS Lao Chai	Lao Chai	PTDTBT TH&THCS Hồ Bón	Khao Mang	60,5	65,5	Trúng tuyển NV2		
5	Trịnh Quang Thiệu	28/08/1985	Nam	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT THCS Lý Tư Trọng	Nậm Cồ	PTDTBT THCS Cao Pha	Tủ Lệ	66,5	66,5	Trúng tuyển NV1		
6	Lê Quốc Trường	10/01/2002	Nam	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT THCS Suối Thầu	Mường Bo	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	52,0	52,0	Trúng tuyển NV1		
7	Phạm Như Quỳnh	12/06/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Ấu Lâu	Ấu Lâu	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
8	Phạm Thị Huệ	12/02/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	94,0	94,0	Trúng tuyển NV1		
9	Đặng Thanh Huyền	17/11/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Cầu Mây	Sa Pa	THCS Kim Đồng	Sa Pa	92,0	92,0	Trúng tuyển NV1		
10	Đỗ An Thuyên	24/12/1982	Nam	Kinh			Đại học	Thuyên	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	88,5	88,5	Trúng tuyển NV1		
11	Nguyễn Khai Hoàng	27/01/2002	Nam	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Hoàng Văn Thọ	Chấn Thịnh	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	70,0	70,0	Trúng tuyển NV1		
12	Ngân Văn Quỳnh	02/01/2001	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	Toán	TH&THCS Hoàng Văn Thụ	Trung Tâm	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	81,0	86,0	Trúng tuyển NV1		
13	Lê Thu Hà	03/07/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	78,0	78,0	Trúng tuyển NV1		
14	Đoàn Thủy Liên	29/05/1987	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Minh Bảo	Nam Cường	TH&THCS Ấu Lâu	Ấu Lâu	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
15	Trần Thu Trà	13/05/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Nghĩa Lộ	Trung Tâm	TH&THCS Hoàng Văn Thụ	Trung Tâm	89,0	89,0	Trúng tuyển NV1		
16	Nguyễn Thị Thu Hằng	15/06/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	PTDTBT THCS Lao Chai	Lao Chai	87,5	87,5	Trúng tuyển NV1		
17	Triệu Minh Vương	01/12/1987	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	THCS Hưng Khánh	Hưng Khánh	85,5	90,5	Trúng tuyển NV1		
18	Nguyễn Thị Hương	06/06/1992	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	86,0	86,0	Trúng tuyển NV1		
19	Vũ Thị Thúy	23/11/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS số 1 Tạ Phời	Hợp Thành	THCS Ban Lầu	Ban Lầu	80,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
20	Phạm Thuý Nguyễn	13/09/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Tân Thịnh	Chấn Thịnh	TH&THCS Hoàng Văn Thộ	Chấn Thịnh	88,0	88,0	Trúng tuyển NV1		
21	Bùi Lê Văn	03/04/1988	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	THCS Quang Trung	Yên Bái	84,5	84,5	Trúng tuyển NV1		
22	Phạm Hiền Diu	17/09/2003	Nữ	Cao Lan	DTTS	5	Đại học	Toán	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	THCS Yên Thành	Yên Thành	96,0	101,0	Trúng tuyển NV1		
23	Nguyễn Thị Thu	13/10/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	70,5	70,5	Trúng tuyển NV1		
24	Nguyễn Thị Huyền	22/04/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	97,0	97,0	Trúng tuyển NV1		
25	Hoàng Thị Chiêu	01/12/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	73,5	78,5	Trúng tuyển NV1		
26	Bùi Công Lân	08/09/1993	Nam	Kinh			Đại học	Toán	THCS Ban Lầu	Ban Lầu	THCS Ban Sen	Ban Lầu	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
27	Nguyễn Thị Hồng Liên	14/10/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Ban Sen	Ban Lầu	TH&THCS Na Lốc	Ban Lầu	87,5	87,5	Trúng tuyển NV1		
28	Nguyễn Mạnh Hùng	24/06/1995	Nam	Kinh			Đại học	Toán	THCS Chấn Thịnh	Chấn Thịnh	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	93,5	93,5	Trúng tuyển NV1		
29	Phan Thị Minh Ngọc	29/06/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Cổ Phúc	Trần Yên	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	82,0	82,0	Trúng tuyển NV1		
30	Đỗ Thị Huệ	15/10/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Cốc San	Cốc San	PTDTBT TH&THCS Trạm Tấu	Trạm Tấu	84,0	84,0	Trúng tuyển NV1		
31	Nguyễn Quỳnh Chi	11/10/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Đông Khê	Văn Chấn	TH&THCS Lê Hồng Phong	Nghĩa Lộ	69,5	69,5	Trúng tuyển NV1		
32	Nguyễn Minh Giang	15/10/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Hoàng Hoa Thám	Lào Cai	THCS Ban Phìet	Lào Cai	92,0	92,0	Trúng tuyển NV1		
33	Lục Việt Thúy	16/11/1994	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Hợp Thành	Hợp Thành	THCS Cốc San	Cốc San	87,5	92,5	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Hợp Thành	
34	Đinh Ngọc Khắc	01/06/1984	Nam	Kinh			Thạc sĩ	Toán	THCS Kim Tân	Lào Cai	THCS Hoàng Hoa Thám	Lào Cai	91,5	91,5	Trúng tuyển NV1		
35	Lê Thị Hồng Phương	03/04/1992	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	83,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
36	Bùi Trang Nhung	16/03/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	88,0	88,0	Trúng tuyển NV1		
37	Vũ Thúy Anh	25/09/1993	Nữ	Kinh			ThS/Đại học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	TH&THCS Tân Lập	Tân Lĩnh	94,5	94,5	Trúng tuyển NV1		
38	Nguyễn Thị Thùy Linh	28/05/1994	Nữ	Kinh			ThS	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	THCS Hưng Khánh	Hưng Khánh	88,5	88,5	Trúng tuyển NV1		
39	Nguyễn Văn Hoàn	02/11/1994	Nam	Kinh			ThS	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	THCS Phong Du Thương	Phong Du Thương	85,5	85,5	Trúng tuyển NV2		
40	Hoàng Văn Khanh	02/02/1991	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	65,0	70,0	Trúng tuyển NV2		
41	Quan Văn Được	20/01/1995	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	61,5	66,5	Trúng tuyển NV2		
42	Nguyễn Thị Duyên	04/11/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	THCS Phú Nam	Trung Tâm	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
43	Nguyễn Nguyệt Minh	02/11/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Cổ Phúc	Trần Yên	84,0	89,0	Trúng tuyển NV1		
44	Trần Thị Thảo	12/06/1988	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
45	Mai Xuân Hà	04/11/1995	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS số 1 Cam Con	Bao Hà	THCS Dương Quý	Dương Quý	58,0	63,0	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Cam Con	
46	Mai Thị Hoài Anh	28/01/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS số 2 Võ Lao	Vô Lao	THCS số 1 Vô Lao	Vô Lao	84,0	84,0	Trúng tuyển NV1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
47	Đông Thị Loan	03/08/2003	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Tú Lệ	Tú Lệ	PTDTBT THCS Cao Pha	Tú Lệ	81,0	86,0	Trúng tuyển NV1		
48	Cù Văn Thái	14/10/1996	Nam	Kinh			Đại học	Toán	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	83,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
49	Nguyễn Thị Bích Duyên	22/01/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	75,5	75,5	Trúng tuyển NV2		
50	Trần Long Vũ	25/01/2002	Nam	Kinh			Đại học	Toán	THCS Yên Ninh	Văn Phú	THCS Yên Ninh	Yên Bái	90,0	90,0	Trúng tuyển NV1		
51	Hoàng Văn Quyết	14/07/1995	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Vật lý	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ	Si Ma Cai	PTDTBT TH&THCS Nàn Sin	Sin Chéng	85,5	90,5	Trúng tuyển NV1		
52	Hàn Văn Ngọc	13/03/1989	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Vật lý	PTDTBT TH&THCS Nàn Sin	Sin Chéng	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ	Si Ma Cai	66,5	71,5	Trúng tuyển NV1		
53	Sùng Thị Mai	18/10/2000	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Vật lý	PTDTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	PTDTBT TH&THCS Hồ Bón	Khao Mang	69,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
54	Nguyễn Khánh Duy	20/12/2003	Nam	Kinh			Đại học	Vật lý	PTDTNT THCS Lục Yên	Lục Yên	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	72,0	72,0	Trúng tuyển NV1		
55	Lương Thu Quỳnh Phương	25/11/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Vật lý	TH&THCS Trung Tâm	Phúc Lợi	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	72,0	72,0	Trúng tuyển NV1		
56	Trần Thị Hồng Nhung	01/01/1998	Nữ	Kinh			Đại học	Vật lý	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	86,5	86,5	Trúng tuyển NV1		
57	Nguyễn Văn Trương	01/12/2003	Nam	Kinh			Đại học	Vật lý	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	THCS Lang Thíp	Lâm Giang	77,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
58	Phùng Mai Linh	17/09/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Vật lý	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ai	TH&THCS Nà Hâu	Tân Hợp	83,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
59	Hoàng Văn Tuế	03/02/1991	Nam	Tây	TS, Quâ	5	Đại học	Vật lý	THCS Chu Văn An	Lâm Thương	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thương	65,0	70,0	Trúng tuyển NV1		
60	Trình Xuân Hải	19/09/1986	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Vật lý	THCS Chu Văn An	Lâm Thương	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thương	52,5	57,5	Trúng tuyển NV2		
61	Nguyễn Thị Dung	02/05/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Vật lý	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	82,5	87,5	Trúng tuyển NV1		
62	Phùng Thị Thao	05/04/1992	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Hóa học	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	THCS Số 2 Vô Lao	Vô Lao	85,0	90,0	Trúng tuyển NV1		
63	Trần Công Danh	12/11/2002	Nam	Kinh			Đại học	Hóa học	PTDTBT THCS Năm Đét	Bao Nhai	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	Dền Sáng	87,0	87,0	Trúng tuyển NV1		
64	Nguyễn Hải Quang	19/10/1997	Nam	Kinh			Đại học	Hóa học	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	Dền Sáng	TH&THCS số 2 Ta Phời	Hợp Thành	74,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
65	Trần Thị Thu Nhân	24/06/1983	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT THCS Thanh Kim	Bàn Hồ	83,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
66	Nguyễn Hà My	19/11/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Võ Thị Sáu	Cầu Thia	93,5	93,5	Trúng tuyển NV1	THCS Nghĩa Lộ	
67	Dương Thị Lê Quyên	03/02/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Nà Hâu	Tân Hợp	THCS Châu Quế Hạ	Châu Quế	50,5	50,5	Trúng tuyển NV1		
68	Hà Thị Thu Minh	04/09/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Hóa học	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh	78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
69	Nguyễn Thị Phương	20/05/1998	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 2 Ta Phời	Hợp Thành	96,0	96,0	Trúng tuyển NV1		
70	Phạm Thị Huệ	01/08/1992	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS số 2 Ta Phời	Hợp Thành	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	92,5	92,5	Trúng tuyển NV1		
71	Trần Thị Lê Thu	10/04/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS số 2 Ta Phời	Hợp Thành	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	81,5	81,5	Trúng tuyển NV2		
72	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/05/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	TH&THCS số 1 Phúc Khánh	Phúc Khánh	88,0	88,0	Trúng tuyển NV1	THCS Tân Lĩnh	
73	Nguyễn Thị Nga	16/06/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Võ Thị Sáu	Cầu Thia	TH&THCS Nghĩa Lộ	Trung Tâm	91,5	91,5	Trúng tuyển NV1		
74	Lộc Thị Len	06/11/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Hóa học	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	68,0	73,0	Trúng tuyển NV1		
75	Nguyễn Thị Hương	23/11/1989	Nữ	Kinh	Con đ	5	Đại học	Hóa học	THCS Bàn Phiệt	Lào Cai	TH&THCS Bàn Qua	Bát Xát	88,5	93,5	Trúng tuyển NV1		
76	Hoàng Thị Nguyệt Trinh	15/08/2003	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Hóa học	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	68,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
77	Bùi Thu Trang	31/05/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	THCS Mẫu A	Mẫu A	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	78,5	78,5	Trúng tuyển NV1		
78	Phạm Văn Tương	01/09/1995	Nam	Kinh			Đại học	Hóa học	THCS Si Ma Cai	Si Ma Cai	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	71,5	71,5	Trúng tuyển NV1		
79	Hà Thị Kiều	06/06/1995	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Hóa học	THCS số 2 Vô Lao	Vô Lao	TH&THCS số 1 Phúc Khánh	Phúc Khánh	83,0	88,0	Trúng tuyển NV1		
80	Hồ A Sinh	15/11/1991	Nam	Hmông	DTTS	5	Đại học	Sinh học	PTDTBT TH&THCS Hồ Bón	Khao Mang	PTDTBT TH&THCS Chế Tạo	Chế Tạo	50,5	55,5	Trúng tuyển NV2		
81	Hoàng Thanh Thủy	03/11/1989	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	PTDTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	PTDTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	56,5	61,5	Trúng tuyển NV1		
82	Giảng Thị Tinh	27/07/2001	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Sinh học	PTDTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	PTDTBT TH&THCS Chế Tạo	Chế Tạo	57,0	62,0	Trúng tuyển NV1		
83	Giảng A Phúc	08/01/1996	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Sinh học	PTDTBT THCS Tà Giảng Phình	Ngũ Chi Sơn	THCS Sừ Pán	Tà Van	71,5	76,5	Trúng tuyển NV1		
84	Đỗ Thị Vân	21/02/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	PTDTBT THCS Thanh Kim	Bàn Hồ	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	85,5	85,5	Trúng tuyển NV1		
85	Hoàng Mạnh Giang	10/07/1987	Nam	Kinh			Thạc sĩ	Sinh học	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT THCS Tà Giảng Phình	Ngũ Chi Sơn	77,5	77,5	Trúng tuyển NV1		
86	Nguyễn Hoàng Hương	17/12/2002	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	THCS Châu Quế Hạ	Châu Quế	57,5	62,5	Trúng tuyển NV1	THCS Đông Cuông	
87	Trần Văn Luyện	10/08/1992	Nam	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	50,5	50,5	Trúng tuyển NV2		
88	Triệu Thị Huyền	03/07/2002	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Sinh học	TH&THCS Hòa Cuông	Trần Yên	THCS Bảo Đáp	Trần Yên	70,5	75,5	Trúng tuyển NV1		
89	Đoàn Thanh Hương	11/06/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS Mẫu Đổng	Mẫu A	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	62,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
90	Hoàng Thanh Hằng	02/04/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	TH&THCS Mệ Gia	Yên Thành	TH&THCS Số 2 Cầm Nhân	Cầm Nhân	64,0	69,0	Trúng tuyển NV1		
91	Nguyễn Thị Trang	18/01/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh			72,5	72,5	Trúng tuyển NV1		
92	Hoàng Thị Tuyết	25/05/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	69,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
93	Trần Thị Yên	20/04/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS Thanh Phú	Mường Bo			76,5	76,5	Trúng tuyển NV1		
94	Đình Trương Giang	04/09/2000	Nam	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Mệ Gia	Yên Thành	70,5	70,5	Trúng tuyển NV1		
95	Hiền Tịch	19/11/1996	Nữ	Tả Riêng	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	THCS Lung Vai	Bàn Lầu	54,5	59,5	Trúng tuyển NV1		
96	Vũ Thị Hằng Nga	10/05/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	THCS Bảo Đáp	Trần Yên	TH&THCS Hòa Cuông	Trần Yên	74,5	74,5	Trúng tuyển NV1		



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
97	Bàn Văn Thi	01/05/1991	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng			80,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
98	La Văn Vang	09/02/1991	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS số 2 Cam Nhân	Cam Nhân	59,5	64,5	Trúng tuyển NV2		
99	Phạm Thị Thu	04/08/1988	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia			58,0	63,0	Trúng tuyển NV1		
100	Lê Thị Mọi	05/05/1995	Nữ	Bố Y	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	67,5	72,5	Trúng tuyển NV1		
101	Lương Vũ Thắng	25/12/1990	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	85,5	90,5	Trúng tuyển NV1		
102	Đặng Thị Thơm	12/10/1993	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	THCS Sừ Phan	Ta Van	68,5	73,5	Trúng tuyển NV2		
103	Hà Thị Diệu	21/11/1986	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	KHTN	PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	Năm Cao	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	74,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
104	Nguyễn Thành Trung	25/04/2002	Nam	Kinh			Đại học	KHTN	TH&THCS Minh Quân	Ấu Lâu	TH&THCS Châu Quế Thượng	Châu Quế	74,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
105	Vũ Thị Mai Anh	22/11/2002	Nữ	Kinh			Đại học	KHTN	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	THCS Cát Thịnh	Cát Thịnh	65,5	65,5	Trúng tuyển NV1		
106	Hoàng Thị Thiêm	17/01/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	KHTN	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	THCS Yên Thành	Yên Thành	70,0	75,0	Trúng tuyển NV1		
107	Phạm Anh Ván	08/02/1987	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	KHTN	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Phúc An	Yên Thành	63,0	68,0	Trúng tuyển NV1		
108	Ngô Thị Bắc	18/08/2001	Nữ	Kinh			Đại học	KHTN	THCS Mậu A	Mậu A			89,5	89,5	Trúng tuyển NV1		
109	Cổ Thị Chin	11/09/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT TH&THCS Ban Phụng	Bản Hồ	62,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
110	Nguyễn Thị Tinh	09/05/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT THCS Thảo Chư Phin	Sin Chéng	63,0	63,0	Trúng tuyển NV1		
111	Lê Thị Mến	17/05/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Láng Nhi	Phình Hồ			77,5	82,5	Trúng tuyển NV1		
112	Đinh Thủy Dung	07/01/2003	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Láng Nhi	Phình Hồ	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	72,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
113	Hoàng Thị Hiền	09/01/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Chiềng Ken	Chiềng Ken	THCS Dương Quý	Dương Quý	85,0	90,0	Trúng tuyển NV1		
114	Phạm Thị Hằng	08/07/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Chiềng Ken	Chiềng Ken	THCS Dương Quý	Dương Quý	85,5	85,5	Trúng tuyển NV2		
115	Lương Thủy Linh	11/02/2002	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Cốc Lầu	Cốc Lầu	THCS Năm Môn	Bắc Hà	72,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
116	Đặng Thị Phương Thảo	15/10/2003	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Mỏ Vàng	Mỏ Vàng	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	73,0	78,0	Trúng tuyển NV1		
117	Bùi Thị Huê	10/10/1991	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Năm Khát	Púng Luông	THCS Cán Cầu	Sì Ma Cai	84,5	89,5	Trúng tuyển NV1		
118	Nông Thị Dung	26/04/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Năm Khát	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS Láng Nhi	Phình Hồ	82,0	87,0	Trúng tuyển NV1		
119	Nguyễn Hữu Dung	30/01/1994	Nam	Kinh			Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Năm Khát	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS Dê Xu Phình	Púng Luông	77,5	77,5	Trúng tuyển NV1		
120	Tráng Sứ Lan	14/03/1997	Nữ	Pa Di	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Năm Lư	Mường Khương			63,5	68,5	Trúng tuyển NV1	PTDTBT TH&THCS Năm Lư	
121	Mai Thị Thoan	12/11/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Cốc Lầu	Cốc Lầu	57,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
122	Hoàng Thị Như Lua	19/02/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	53,0	58,0	Trúng tuyển NV2		
123	Ma Thị Dung	05/08/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS An Phú	Mường Lai	THCS Lương Quan	Khánh Hòa	62,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
124	Hoàng Thị Hạnh	02/04/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS An Phú	Mường Lai	TH&THCS Minh Tiến số 1	Mường Lai	60,0	65,0	Trúng tuyển NV1		
125	Trần Hằng Lê	07/09/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT TH&THCS Ban Phụng	Bản Hồ	62,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
126	Vũ Thị Khánh Ly	01/10/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đào Thịnh	Trần Yên	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	85,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
127	Phan Thị Thuần	24/09/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	PTDTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	79,5	79,5	Trúng tuyển NV1		
128	Sâm Thị Thu Huyền	22/03/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	66,0	71,0	Trúng tuyển NV1		
129	Trần Thị Duyên	20/11/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	68,5	73,5	Trúng tuyển NV1	THCS Đông Cuông	
130	Nguyễn Thị Huyền Trang	06/02/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Giới Phấn	Ấu Lâu	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	70,5	70,5	Trúng tuyển NV1		
131	Nguyễn Hồng Ngọc	30/07/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	THCS Nghĩa Lộ	
132	Phan Thị Châu	06/06/1992	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Nguyễn Quang Bích	Nghĩa Lộ	65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	THCS Nghĩa Lộ	
133	Hà Thị Miên	20/10/1989	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Phong Du Ha	Phong Du Ha	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Du Ha	58,0	63,0	Trúng tuyển NV1	THCS Phong Du Ha	
134	Cầm Thị Hằng	10/10/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Quang Minh	Đông Cuông	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	66,5	71,5	Trúng tuyển NV1	THCS Đông Cuông	
135	Lê Thị Thu Huyền	25/06/2000	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS số 1 Cam Nhân	Cam Nhân	TH&THCS Ngọc Chấn	Cam Nhân	91,0	96,0	Trúng tuyển NV1		
136	Sa Thị Diên	08/07/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Suối Bu	Văn Chấn	THCS Sơn Thịnh	Văn Chấn	73,0	78,0	Trúng tuyển NV1		
137	Đặng Thị Lành	14/06/1984	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tạ Ngáo	Bát Xát	THCS Kim Tân	Lào Cai	63,0	63,0	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Ban Qua	
138	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	15/05/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	84,5	84,5	Trúng tuyển NV1		
139	Vương Huyền Thương	30/09/1986	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tô Mậu	Khánh Hòa	PTDTBT TH&THCS Bán Công	Hạnh Phúc	59,0	64,0	Trúng tuyển NV1		
140	Hoàng Minh Di	10/10/1993	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tô Mậu	Khánh Hòa	TH&THCS Vĩnh Lạc	Mường Lai	51,0	56,0	Trúng tuyển NV2		
141	Phạm Thị Thu Thảo	06/07/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	89,0	89,0	Trúng tuyển NV1		
142	Sinh Thị Hoa	05/10/1994	Nữ	Lô Lô	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Bản Lầu	Bản Lầu	PTDTBT THCS Năm Lư	Mường Khương	52,0	57,0	Trúng tuyển NV1		
143	Phạm Thị Hoàì	14/10/2003	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Bao Ái	Bao Ái	TH&THCS Tân Nguyên	Bao Ái	78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
144	Trần Thị Hạnh	23/05/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Bao Ái	Bao Ái	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
145	Vương Thị Thủy	21/01/1996	Nữ	Cao Lan	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Bao Ái	Bao Ái	TH&THCS Tân Nguyên	Bao Ái	70,5	75,5	Trúng tuyển NV2		
146	Nguyễn Thị Thanh Nga	21/12/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Bao Ái	Bao Ái	PTDTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	60,0	60,0	Trúng tuyển NV2		
147	Nguyễn Thị Hòa	14/07/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Châu Quế Hạ	Châu Quế	TH&THCS Phong Du Ha	Phong Du Ha	62,5	62,5	Trúng tuyển NV1		



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
148	Hà Phạm Khánh	17/04/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Đông Quan	Khánh Hòa	THCS Báo Ái	Báo Ái	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
149	Khổng Thị Thu	15/08/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Đông Quan	Khánh Hòa	TH&THCS Phong Du Ha	Phong Du Ha	67,0	67,0	Trúng tuyển NV1		
150	Đào Thị Huệ	15/04/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Dương Quý	Dương Quý	PTDTBT THCS Chiềng Ken	Chiềng Ken	73,5	78,5	Trúng tuyển NV1		
151	Đào Thị Anh	11/03/1994	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Kim Đồng	Sa Pa	TH&THCS Cầu Mây	Sa Pa	83,0	88,0	Trúng tuyển NV1		
152	Phạm Thị Thủy	30/01/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Kim Đồng	Sa Pa	TH&THCS Cầu Mây	Sa Pa	82,0	82,0	Trúng tuyển NV2		
153	Phạm Huyền	03/04/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Kim Tân	Lào Cai	THCS Pom Hân	Cam Đường	74,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
154	Hoàng Văn Duy	01/07/1995	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	THCS Mẫu A	Mẫu A	54,5	59,5	Trúng tuyển NV1		
155	Vũ Thị Thảo	04/07/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Mẫu A	Mẫu A	THCS An Thịnh	Mẫu A	73,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
156	Tài Sào	04/01/1993	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Năm Môn	Bắc Hà			78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
157	Nguyễn Như Hạnh	27/09/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Phú Nham	Trung Tâm	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	74,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
158	Nguyễn Phương Thủy	17/12/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
159	Lý Thị Hoa	05/09/1996	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sin Chèng	Sin Chèng	THCS Cán Cầu	Sì Ma Cai	71,5	76,5	Trúng tuyển NV1		
160	Vàng Seo	10/02/1989	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sin Chèng	Sin Chèng	THCS Năm Môn	Bắc Hà	65,5	70,5	Trúng tuyển NV1		
161	Vàng Văn Cương	20/12/1994	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sin Chèng	Sin Chèng	THCS Cán Cầu	Sì Ma Cai	56,0	61,0	Trúng tuyển NV2		
162	Nguyễn Ngọc Anh	19/09/2000	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sơn Thịnh	Văn Chấn	TH&THCS Suối Giàng	Văn Chấn	54,0	59,0	Trúng tuyển NV1		
163	Tô Thị Diệp	01/07/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Trần Phú	Thương Bàng La	TH&THCS Thương Bàng La	Thương Bàng La	70,0	75,0	Trúng tuyển NV1		
164	Phùng Thủy Linh	20/08/1994	Nữ	Dao (Mán)	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Trần Phú	Thương Bàng La	TH&THCS Thương Bàng La	Thương Bàng La	71,5	76,5	Trúng tuyển NV1		
165	Nguyễn Thị Mỹ Linh	15/12/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	82,5	82,5	Trúng tuyển NV1		
166	Lò Văn Quý	24/11/1988	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS Dề Xu Phình	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	60,5	65,5	Trúng tuyển NV1		
167	Điền Thị Nghệ	26/04/2003	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	PTDTBT THCS Năm Khát	Púng Luông	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
168	Lùng Lưu Cường	14/10/1986	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mù Cang Chải	PTDTBT THCS Năm Khát	Púng Luông	57,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
169	Triệu Văn Ốc	17/05/1988	Nam	Dao	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS Phình Hồ	Phình Hồ	THCS Minh An	Nghĩa Tâm	61,5	66,5	Trúng tuyển NV1		
170	Đinh Thị Thủy Hương	22/06/1991	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Cao Sơn	Cao Sơn	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	80,0	85,0	Trúng tuyển NV1	PTDTBT TH&THCS Cao Sơn	
171	Giàng A Giông	20/03/2002	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Năm Khát	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	68,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
172	Vàng Thị Cẩm	01/04/1992	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Pha Long	Pha Long			72,5	77,5	Trúng tuyển NV1		
173	Hà Thị Cẩm	02/10/1990	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Ta Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT THCS Lùng Khẩu Nhìn	Cao Sơn	54,0	59,0	Trúng tuyển NV1		
174	Lý Quốc Toán	27/10/1992	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Trinh Tường	Trinh Tường	PTDTBT THCS Ta Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	64,5	69,5	Trúng tuyển NV1		
175	Nguyễn Thị Mai Hương	18/08/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	TH&THCS Đông Cường	Đông Cường	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	72,0	72,0	Trúng tuyển NV1	THCS Đông Cường	
176	Hoàng Bình Chánh	11/03/1987	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	TH&THCS số 2 Cam Nhân	Cam Nhân	53,5	58,5	Trúng tuyển NV1		
177	Lý Thị Tiên	13/01/2001	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Du Hạ	81,0	86,0	Trúng tuyển NV1		
178	Đinh Thị Nguyệt	24/01/1986	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	61,5	61,5	Trúng tuyển NV1		
179	Cù Thị Thu Thủy	04/08/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Đông Cường	Đông Cường	60,5	60,5	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Y Can	
180	Hoàng Thị Tương	16/01/1995	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS số 2 Cam Nhân	Cam Nhân	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	84,0	89,0	Trúng tuyển NV1		
181	Hà Đình Nam	20/05/1997	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	67,5	72,5	Trúng tuyển NV1		
182	Trần Nhật Duy	08/12/2001	Nam	Kinh			Đại học	Lịch sử	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Du Hạ	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	THCS Phong Du Hạ	
183	Bùi Thị Hiệp	05/10/1987	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	PTDTBT TH&THCS Phình Hồ	Phình Hồ	56,5	61,5	Trúng tuyển NV1		
184	Nông Thị Thanh Huyền	11/03/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	THCS Nguyễn Thái Học	Lục Yên	68,0	73,0	Trúng tuyển NV1		
185	Nguyễn Đức Mạnh	21/05/2003	Nam	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	THCS Quang Trung	Yên Bái	64,0	64,0	Trúng tuyển NV1		
186	Vì Văn Kiều	13/02/1987	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	THCS Nguyễn Thái Học	Lục Yên	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	59,5	64,5	Trúng tuyển NV1		
187	Lê Thị Phương Thảo	18/07/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Phú Nham	Trung Tâm	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	53,5	53,5	Trúng tuyển NV1		
188	Trương Quỳnh Trang	31/03/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	62,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
189	Nguyễn Thị Thủy	14/07/1996	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	THCS số 1 Võ Lao	Vô Lao	THCS Tân Thương	Bảo Hà	65,5	70,5	Trúng tuyển NV1		
190	Lương Thị Luân	19/02/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Tân Thương	Bảo Hà	THCS số 1 Võ Lao	Vô Lao	75,5	75,5	Trúng tuyển NV1		
191	Nguyễn Phương Lam	08/10/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Yên Ninh	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	82,0	82,0	Trúng tuyển NV1		
192	Tần A Ngọc	08/04/1985	Nam	Dao	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT TH&THCS Ngòi Thấu	Y Tý	64,0	69,0	Trúng tuyển NV1		
193	Nguyễn Xuân Chương	06/02/1995	Nam	Kinh			Đại học	Địa lý	PTDTBT TH&THCS Ngòi Thấu	Y Tý	PTDTBT THCS Thanh Bình	Mường Khương	68,0	68,0	Trúng tuyển NV1		
194	Sông A Vi	20/09/1996	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT TH&THCS Ngòi Thấu	Y Tý	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	50,5	55,5	Trúng tuyển NV2		
195	Lò Thị Xuân	01/01/2003	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT THCS Ta Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	65,0	70,0	Trúng tuyển NV1		
196	Nguyễn Thị Hồng	19/05/1998	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT THCS Thanh Bình	Mường Khương	TH&THCS Chợ Châu	Bản Lầu	79,0	84,0	Trúng tuyển NV1		
197	Hà Vinh Quang	23/09/2002	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT THCS Trung Chải	Tà Phìn	TH&THCS Năm Cang	Mường Bo	56,5	61,5	Trúng tuyển NV1		



STT	SỞ Họ và tên GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú	
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường						
198	Mai Ngọc Mai	14/02/2003	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDNTN THCS Tram Tấu	Hạnh Phúc	THCS&THPT Nghĩa Tâm	Nghĩa Tâm	65,5	70,5	Trúng tuyển NV1			
199	Hoàng Thị Hương	Điểm	02/06/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	TH&THCS Chợ Châu	Bản Lầu	76,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
200	Hoàng Thị Bích	Lan	26/04/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Bạch Hà 2	Thác Bà	PTDNTN THCS Thanh Bình	Mường Khương	72,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
201	Đinh Thị Thuần	Thuần	08/03/1993	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Cẩm Ân	Bao Ái			68,0	73,0	Trúng tuyển NV1		
202	Nguyễn Thị Thoa	Thoa	03/07/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Chợ Châu	Bản Lầu	PTDNTN THCS Thanh Bình	Mường Khương	75,5	75,5	Trúng tuyển NV1		
203	Hoàng Hồng Hằng	Hằng	15/09/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	TH&THCS Bạch Hà 2	Thác Bà	61,0	66,0	Trúng tuyển NV1		
204	Hoàng Thị Ngoan	Ngoan	30/11/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Móng	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	79,5	84,5	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Y Can	
205	Nguyễn Thị Huyền	Vân	20/04/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn			79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
206	Triệu Thị Lý	Lý	01/07/1992	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	72,5	77,5	Trúng tuyển NV1		
207	Thân Thị Hằng	Hằng	05/06/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Du Hạ	66,0	66,0	Trúng tuyển NV2	THCS Phong Du Hạ	
208	Phạm Thị Thủy	Linh	17/02/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
209	Đỗ Thị Thanh	Huyền	22/01/1985	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	66,0	66,0	Trúng tuyển NV1		
210	Phạm Thị Liên	Liên	13/10/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	TH&THCS Cẩm Ân	Bao Ái	78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
211	Vàng Văn Thắng	Thắng	16/03/1993	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Đông Quan	Khánh Hòa	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	80,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
212	Chương Thị Nèo	Nèo	10/10/1994	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Dương Quý	Dương Quý	PTDNTN TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	67,5	72,5	Trúng tuyển NV1		
213	Nguyễn Thị Hương	Hương	09/09/1987	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	74,5	79,5	Trúng tuyển NV1		
214	Hoàng Thị Giao	Linh	13/07/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
215	Hoàng Thị Doan	Doan	03/11/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Hòa Cường	Trần Yên	61,0	66,0	Trúng tuyển NV1		
216	Triệu Thị Khách	Khách	24/07/1992	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Sin Chéng	Sin Chéng	PTDNTN TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	57,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
217	Mai Thị Hiền	Hiền	13/06/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	THCS số 1 Vô Lao	Vô Lao	THCS Dương Quý	Dương Quý	67,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
218	Lò Thị Ngọc Anh	Anh	08/09/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Trần Phú	Thương Báng La			77,5	82,5	Trúng tuyển NV1		
219	Thần Thị Loan	Loan	20/04/1995	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN TH&THCS Ban Phụng	Ban Hồ			74,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
220	Đặng Hà Dũng	Dũng	24/01/1997	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN TH&THCS Chế Tao	Chế Tao	PTDNTN TH&THCS Hữu Thảo	Tà Van	68,0	73,0	Trúng tuyển NV1		
221	Sân Ngọc Đinh	Đinh	26/05/2003	Nữ	Hà Nhi	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDNTN TH&THCS Ban Phụng	Ban Hồ	76,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
222	Nông Văn Sang	Sang	18/08/1990	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN TH&THCS Hữu Thảo	Tà Van	PTDNTN TH&THCS Ban Phụng	Ban Hồ	88,5	93,5	Trúng tuyển NV1		
223	Giảng Thị Tống	Tống	08/08/1993	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	PTDNTN TH&THCS Lăng Nhi	Phình Hồ	80,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
224	Sùng A Hùng	Hùng	15/10/1995	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	PTDNTN THCS Năm Khát	Púng Luông	69,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
225	Giảng A Páo	Páo	15/01/1993	Nam	H'Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN TH&THCS Lăng Nhi	Phình Hồ	PTDNTN TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	78,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
226	Hang A Sầu	Sầu	20/03/2000	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN TH&THCS Mỏ Dẻ	Mỏ Cang Chải	PTDNTN TH&THCS Kim Nôi	Mỏ Cang Chải	60,0	65,0	Trúng tuyển NV1		
227	Đặng Văn Toàn	Toàn	15/01/1992	Nam	Dao	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN THCS An Lương	Mỏ Vàng	PTDNTN TH&THCS Lăng Nhi	Phình Hồ	59,0	64,0	Trúng tuyển NV1		
228	Lê Thị Mỹ Duyên	Duyên	01/08/1996	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	PTDNTN THCS Năm Khát	Púng Luông			73,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
229	Hồ Thị Dền	Dền	03/05/1998	Nữ	H'ư Gián	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN THCS Phìn Ngan	Bát Xát	PTDNTN TH&THCS Ban Phụng	Ban Hồ	82,5	87,5	Trúng tuyển NV1	PTDNTN TH&THCS Phìn Ngan	
230	Bà Thị Hồng Ngọc	Ngọc	03/05/2003	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	PTDNTN THCS Phìn Ngan	Bát Xát	THCS Mẫu A	Mẫu A	70,5	70,5	Trúng tuyển NV2		
231	Hờ A Công	Công	16/04/2001	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDNTN THCS Ta Giảng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDNTN TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	67,5	72,5	Trúng tuyển NV1		
232	Lêng Thủy Nhi	Nhi	06/07/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS An Phú	Mường Lai	THCS Lang Thíp	Lâm Giang	61,5	66,5	Trúng tuyển NV1		
233	Hoàng Lê Thủy	Thủy	26/07/1995	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Ba Khe	Cát Thỉnh	PTDNTN TH&THCS Lăng Nhi	Phình Hồ	96,0	101,0	Trúng tuyển NV1		
234	Vàng Thị Thu Hương	Hương	14/04/1993	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Ban Xèo	Ban Xèo	PTDNTN TH&THCS Hữu Thảo	Tà Van	74,5	79,5	Trúng tuyển NV1		
235	Giảng A Ly	Ly	06/09/1988	Nam	H'mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Ban Xèo	Ban Xèo	TH&THCS Phong Du Hạ	Phong Du Hạ	55,5	60,5	Trúng tuyển NV2	THCS Phong Du Hạ	
236	Nguyễn Thị Thảo	Thảo	23/07/1996	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	TH&THCS Châu Quế Thượng	Châu Quế	THCS Lang Thíp	Lâm Giang	67,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
237	Hoàng Đăng Khoảng	Khoảng	10/12/1988	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Khánh Thiện	Lâm Thượng	TH&THCS Tân Phương	Lâm Thượng	59,0	64,0	Trúng tuyển NV1		
238	Hà Thị Thu Phương	Phương	20/10/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Kiên Thành	Quy Móng			78,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
239	Lầu A Thành	Thành	22/07/1998	Nam	H'mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Mường Lai	Mường Lai	TH&THCS số 1 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	61,5	66,5	Trúng tuyển NV1		
240	Phan Thị Sơ	Sơ	04/06/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Tân Phương	Lâm Thượng	TH&THCS Mường Lai	Mường Lai	78,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
241	Hoàng Thị Chăm	Chăm	12/05/1994	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	92,0	92,0	Trúng tuyển NV1		
242	Doãn Thanh Uyên	Uyên	27/09/1985	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	TH&THCS Phong Du Hạ	Phong Du Hạ	77,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
243	Hoàng Thị Bích Chuyên	Chuyên	21/07/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Vĩnh Lạc	Mường Lai	TH&THCS số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	82,5	87,5	Trúng tuyển NV1		
244	Hồ Hữu Thành	Thành	04/04/1988	Nam	Kinh			Đại học	GDCD	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	77,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
245	Lê Thị Mai Hương	Hương	20/09/1978	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	THCS Tô Hiệu	Trung Tâm	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	82,0	82,0	Trúng tuyển NV1		
246	Hang A Lênh	Lênh	10/05/1997	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	THCS Tú Lê	Tú Lê	PTDNTN TH&THCS Hữu Thảo	Tà Van	78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
247	Lò Văn Sinh	Sinh	20/06/1995	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	PTDNTN TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	THCS Minh An	Nghĩa Tâm	77,5	82,5	Trúng tuyển NV1		



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú	
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường						
244	Phùng Chung	Hiếu	17/04/1993	Nam	Giày	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Ty	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	53,5	58,5	Trúng tuyển NV1		
249	La Thi Đức	Đức	10/08/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	PTDTBT TH&THCS Khao Mang	Khao Mang	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương	84,5	89,5	Trúng tuyển NV1		
250	Hà Văn	Thích	05/05/1992	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	88,0	93,0	Trúng tuyển NV1		
251	Văn Vinh	Hòa	14/12/1991	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Hợp Minh	Áu Lâu	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	83,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
252	Nguyễn Thanh Tú	Tú	13/10/1987	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	76,0	76,0	Trúng tuyển NV1		
253	Lương Đức	Trương	13/06/1980	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	62,0	67,0	Trúng tuyển NV2		
254	Bùi Quang Huy	Huy	30/7/2003	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	75,0	75,0	Trúng tuyển NV1		
255	Phan Chí Linh	Linh	16/12/1983	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	52,0	57,0	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Y Can	
256	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	18/03/1994	Nữ	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương			83,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
257	Trần Đức Hoàn	Hoàn	26/03/1987	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	58,5	58,5	Trúng tuyển NV1		
258	Đào Thị Mai Hiền	Hiền	22/04/1983	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Việt Cường	Việt Hồng	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	64,0	69,0	Trúng tuyển NV1		
259	Trần Văn Thương	Thương	31/05/1996	Nam	Cao Lan	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	61,5	66,5	Trúng tuyển NV1		
260	Đỗ Anh Tuấn	Tuấn	04/04/1995	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Gia Hội	Gia Hội	THCS Tú Lệ	Tú Lệ	76,5	76,5	Trúng tuyển NV1		
261	Đồng Minh Tuấn	Tuấn	17/10/1987	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	54,5	54,5	Trúng tuyển NV1		
262	Đoàn Thị Huế	Huế	09/08/1981	Nữ	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Minh An	Nghĩa Tâm			67,0	67,0	Trúng tuyển NV1		
263	Lương Thanh Thúy	Thúy	26/09/1993	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	75,0	80,0	Trúng tuyển NV1		
264	Đỗ Thúy Dương	Dương	16/04/1996	Nữ	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Ngô Văn Sở	Lào Cai	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	88,0	88,0	Trúng tuyển NV1		
265	Nguyễn Trung Hậu	Hậu	26/07/2000	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Yên Ninh	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	64,5	64,5	Trúng tuyển NV1		
266	Lương Chi Tường	Tường	21/11/2003	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	64,5	64,5	Trúng tuyển NV1		
267	Vàng Thị Thanh Hằng	Hằng	02/05/1993	Nữ	Giày	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS A Mú Sưng	A Mú Sưng	PTDTBT THCS Dền Thăng	Dền Sáng	96,0	101,0	Trúng tuyển NV1		
268	Vàng Thị Chao	Chao	18/08/2001	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Bàn Cai	Cốc Lâu	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	86,0	91,0	Trúng tuyển NV1		
269	Lò Thị Thu Hiền	Hiền	11/12/1999	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Dế Xu Phình	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mù Cang Chai	77,5	82,5	Trúng tuyển NV1		
270	Nguyễn Thúy Trang	Trang	04/07/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	TH&THCS Na Lốc	Ban Lầu	82,0	82,0	Trúng tuyển NV1		
271	Giàng Thị Ca	Ca	08/04/1999	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mù Cang Chai	PTDTBT THCS Lao Chai	Lao Chai	91,0	96,0	Trúng tuyển NV1		
272	Hoàng Thị Lin	Lin	15/08/2002	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ	Si Ma Cai	THCS Cán Cầu	Si Ma Cai	77,5	82,5	Trúng tuyển NV1		
273	Phạm Anh Nam	Nam	01/08/1997	Nam	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Tà Van	Tà Van	PTDTBT THCS Trung Chải	Tà Phin	78,0	78,0	Trúng tuyển NV1		
274	Tràng Thúy Linh	Linh	25/04/2001	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Pha Long	Pha Long	THCS Tà Ngải Chồ	Pha Long	84,5	89,5	Trúng tuyển NV1		
275	Trần Minh Anh	Anh	01/06/1999	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Phin Ngan	Bát Xát	THCS Bàn Vuộc	Bát Xát	80,5	80,5	Trúng tuyển NV1	PTDTBT TH&THCS Phin Ngan	
276	Vũ Thị Thanh Hoa	Hoa	01/01/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Sán Chải	Si Ma Cai	PTDTBT TH&THCS Nàn Sín	Sín Chéng	83,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
277	Lưu Thị Dương	Dương	13/09/1999	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Sáng Ma Sào	Dền Sáng	PTDTBT THCS Dền Thăng	Dền Sáng	83,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
278	Thào Thị Tâu	Tâu	15/09/1999	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS số 1 Lũng Thẩn	Lũng Phình	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ Thẩn	Si Ma Cai	87,0	92,0	Trúng tuyển NV1		
279	Lê Phương Mai	Mai	17/06/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTNT THCS Văn Chấn	Văn Chấn	TH&THCS Lý Tư Trọng	Nghĩa Lộ	91,5	91,5	Trúng tuyển NV1		
280	Trần Thành Hưng	Hưng	13/11/2002	Nam	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Lý Tư Trọng	Nghĩa Lộ	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	79,5	79,5	Trúng tuyển NV1	THCS Nghĩa Lộ	
281	Trần Thanh Tú	Tú	02/12/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Lý Tư Trọng	Nghĩa Lộ	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	77,0	77,0	Trúng tuyển NV2		
282	Nguyễn Thị Hương	Hương	13/10/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Minh Bao	Nam Cường	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	85,0	90,0	Trúng tuyển NV1		
283	Lê Thị Phương Thảo	Thảo	29/10/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Na Lốc	Ban Lầu	THCS Lũng Vai	Ban Lầu	84,5	84,5	Trúng tuyển NV1		
284	Nguyễn Văn Hiếu	Hiếu	13/10/2000	Nam	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Na Lốc	Ban Lầu	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Ty	84,0	84,0	Trúng tuyển NV2		
285	Lục Thị Ly	Ly	27/11/1999	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS số 1 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	TH&THCS Xuân Lai	Yên Thành	82,0	87,0	Trúng tuyển NV1		
286	Hoàng Quang Huy	Huy	04/09/2002	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS số 1 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	TH&THCS Ngọc Chấn	Cẩm Nhân	76,0	81,0	Trúng tuyển NV2		
287	Nguyễn Đông Vu	Vu	21/03/1979	Nam	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	83,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
288	Trần Ngọc Ánh	Ánh	25/05/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
289	Vũ Minh Anh	Anh	14/09/2001	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	69,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
290	Vũ Thị Thúy Nga	Nga	14/04/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	THCS Yên Phú	
291	Hoàng Thị Khánh Linh	Linh	02/11/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Ban Lầu	Ban Lầu	TH&THCS Na Lốc	Ban Lầu	89,0	94,0	Trúng tuyển NV1		
292	Lý Thị Thúy	Thúy	24/08/1997	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Ban Lầu	Ban Lầu	PTDTBT THCS Trung Chải	Tà Phin	82,0	87,0	Trúng tuyển NV2		
293	Phùng Thị Thúy	Thúy	13/08/2001	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Bao Ái	Bao Ái	TH&THCS Cam Án	Bao Ái	89,5	94,5	Trúng tuyển NV1		
294	Nguyễn Văn Thắng	Thắng	13/02/1979	Nam	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Bao Ái	Bao Ái	THCS Xuân Ái	Xuân Ái	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
295	Trần Thị Hồng Lê	Lê	30/01/1991	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Bao Ái	Bao Ái	TH&THCS Cam Án	Bao Ái	74,0	79,0	Trúng tuyển NV2		
296	Nông Thị Nga	Nga	21/05/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Hàm Rồng	Sa Pa	90,5	95,5	Trúng tuyển NV1		



STT	Số Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
297	Nguyễn Hằng Lan	29/02/2000	Nữ	Giáy	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Bàn Vược	Bát Xát	79,0	84,0	Trúng tuyển NV2	TH&THCS Bàn Vược	
298	Vương Thị Bích	10/06/1990	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Cán Cầu	Si Ma Cai	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	71,0	76,0	Trúng tuyển NV1		
299	Hoàng Thị Tuyết Mai	05/04/2001	Nữ	Tày	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Chu Văn An	Lâm Thương	TH&THCS Vĩnh Lạc	Mường Lai	87,5	92,5	Trúng tuyển NV1		
300	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/09/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Hàm Rồng	Sa Pa	PTDTBT THCS Trung Chải	Tà Phin	92,5	92,5	Trúng tuyển NV1		
301	Mai Thị Chuyển	27/08/1988	Nữ	Tày	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Khánh Yên Hạ	Khánh Yên	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	89,5	94,5	Trúng tuyển NV1	THCS Khánh Yên	
302	Vũ Thị Việt Chinh	25/03/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Khánh Yên Hạ	Khánh Yên	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	89,0	89,0	Trúng tuyển NV2		
303	Luong Thủy Hương	10/09/1980	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	85,5	90,5	Trúng tuyển NV1		
304	Nguyễn Thị Thu Uyên	27/11/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	TH&THCS Na Lốc	Bản Lầu	85,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
305	Ngô Thủy Dương	04/09/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Lý Tư Trọng	Cam Đường	THCS Cam Đường	Cam Đường	94,0	94,0	Trúng tuyển NV1		
306	Nguyễn Thị Thảo	03/10/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Mẫu A	Mẫu A	THCS An Thịnh	Mẫu A	95,5	95,5	Trúng tuyển NV1		
307	Trương Thị Hậu	05/08/1999	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Mẫu A	Mẫu A	THCS An Thịnh	Mẫu A	93,5	93,5	Trúng tuyển NV2		
308	Đỗ Phương Thảo	16/1/2000	Nữ	Tày	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	92,0	97,0	Trúng tuyển NV1		
309	Phùng Thao My	04/04/1999	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	91,0	91,0	Trúng tuyển NV1		
310	Dương Hoài Thu	02/10/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	90,5	90,5	Trúng tuyển NV1		
311	Đỗ Thị Bích Ngọc	08/05/2001	Nữ	Giáy	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Ta Ngải Chở	Pha Long	PTDTBT THCS Pha Long	Pha Long	84,5	89,5	Trúng tuyển NV1		
312	Lô Thị Cúc	12/08/1993	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Ta Phin	Ta Phin	PTDTBT TH&THCS Ta Van	Ta Van	92,0	97,0	Trúng tuyển NV1		
313	Vũ Minh Ánh	14/09/2001	Nữ	Tày	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Xuân Ái	Xuân Ái	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	80,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
314	Lê Phương Hoa	01/11/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Tân Đông	Trần Yên	88,5	88,5	Trúng tuyển NV1		
315	Nguyễn Thị Thu Hoài	11/07/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	90,0	90,0	Trúng tuyển NV1		
316	Nguyễn Việt Hưng	10/08/2000	Nam	Kinh			Đại học	Lịch sử và Địa lý	PTDTBT THCS An Lương	Mơ Vàng	TH&THCS Đông An	Đông Cường	69,5	69,5	Trúng tuyển NV1		
317	Vũ Xuân Hoài	20/10/2002	Nữ	H. Mông	DTTS	5	Đại học	Lịch sử và Địa lý	TH&THCS Đông An	Đông Cường	TH&THCS Đông Cường	Đông Cường	54,0	59,0	Trúng tuyển NV1		
318	Đình Thị An	09/12/1987	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Lịch sử và Địa lý	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	50,5	55,5	Trúng tuyển NV1		
319	Nguyễn Hồng Thương	05/03/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử và Địa lý	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	TH&THCS Quang Minh	Đông Cường	69,0	69,0	Trúng tuyển NV1		
320	Phan Văn Đoàn	22/12/1990	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Lịch sử và Địa lý	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Mông Sơn	Bảo Ái	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
321	Phạm Thu Hà	13/08/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử và Địa lý	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
322	Nguyễn Thu Hằng	19/10/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử và Địa lý	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	74,0	74,0	Trúng tuyển NV2		
323	Hoàng Thị Hương	26/02/1988	Nữ	Tày	DTTS	5	Đại học	KTCN	THCS số 1 Thượng Hà	Thượng Hà			85,5	90,5	Trúng tuyển NV1	THCS Thượng Hà	
324	Nguyễn Ngọc Ánh	10/08/1986	Nam	Kinh			Đại học	KTCN	THCS số 1 Thượng Hà	Thượng Hà	PTDTBT THCS Ta Giàng Phình	Ngũ Chỉ Sơn	88,0	88,0	Trúng tuyển NV2		
325	Nông Thị Hành	19/11/1986	Nữ	Tày	DTTS	5	Đại học	KTNN	TH&THCS An Phú	Mường Lai			51,5	56,5	Trúng tuyển NV1		
326	Nguyễn Ngọc Hà	01/05/1988	Nữ	Kinh			Đại học	KTNN	TH&THCS Lý Tư Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Nguyễn Quang Bích	Nghĩa Lộ	88,0	88,0	Trúng tuyển NV1	THCS Nghĩa Lộ	
327	Vì Thị Thín	24/09/1988	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	KTNN	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thương	TH&THCS Tân Phương	Lâm Thương	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
328	Bùi Thị Thảo	20/06/1987	Nữ	Kinh			Đại học/CD	KTNN	TH&THCS Mộ Cang Chai	Mộ Cang Chai	PTDTBT THCS Lao Chai	Lao Chai	69,5	69,5	Trúng tuyển NV1		
329	Phạm Minh Quân	13/07/2003	Nam	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	PTDTBT TH&THCS Hữu Thào	Ta Van	THCS Năm Môn	Bắc Hà	63,0	63,0	Trúng tuyển NV1		
330	Lý Thị Liễn	29/01/1995	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS An Phú	Mường Lai	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bả	76,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
331	Ta Thị Dung	29/02/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS Kim Sơn	Bảo Hà	THCS Năm Môn	Bắc Hà	74,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
332	Phạm Hải Linh	21/12/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS số 2 Lương Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	73,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
333	Triệu Thị Tích	21/08/1988	Nữ	Dao đỏ	DTTS	5	Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS Tân Phương	Lâm Thương	TH&THCS An Phú	Mường Lai	69,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
334	Hoàng Văn Thạch	26/03/1988	Nam	Tày	DTTS	5	Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS Tân Phương	Lâm Thương	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	64,0	69,0	Trúng tuyển NV2	THCS Phong Dụ Hạ	
335	Lê Minh Huệ	04/10/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	TH&THCS Minh Quán	Trần Yên	74,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
336	Hoàng Thị Hồng Nhung	16/06/1985	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	TH&THCS Minh Quán	Trần Yên	73,0	73,0	Trúng tuyển NV2		
337	Phan Thị Bích Phương	16/05/1980	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	TH&THCS Lý Tư Trọng	Nghĩa Lộ	68,5	68,5	Trúng tuyển NV1		
338	Hoàng Minh Ngoan	19/03/1986	Nam	Tày	DTTS	5	Đại học	Mỹ thuật	THCS Mẫu A	Mẫu A	TH&THCS Tân Phương	Lâm Thương	77,0	82,0	Trúng tuyển NV1		
339	Trần Thủy Ngân	05/09/1993	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Mỹ thuật	THCS Năm Môn	Bắc Hà			71,0	76,0	Trúng tuyển NV1		
340	Hà Thanh Hóa	26/11/1986	Nam	Mường	DTTS	5	Đại học	Âm nhạc	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	TH&THCS Văn Tiến	Thượng Bằng La	79,5	84,5	Trúng tuyển NV1		
341	Sùng A Dơ	12/06/1994	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Âm nhạc	PTDTBT THCS Sáng Ma Sáo	Dền Sáng	PTDTBT THCS Dền Thàng	Dền Sáng	73,5	78,5	Trúng tuyển NV1		
342	Hoàng Lê Hằng	04/11/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	67,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
343	Trần Thị Như Huệ	22/02/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	54,5	54,5	Trúng tuyển NV2	TH&THCS Y Can	
344	Nguyễn Mỹ Hạnh	21/01/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Quy Mông	Quy Mông	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
345	Vũ Thị Yến	05/04/1985	Nữ	Kinh			Đại học	Âm nhạc	TH&THCS số 1 Cam Nhân	Cam Nhân			74,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
346	Đặng Ngọc Ánh	28/11/2000	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	THCS Chu Văn An	Lâm Thương	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1	THCS Tân Lĩnh	
347	Trần Quốc Toàn	19/05/2004	Nam	Kinh			Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Văn Tiến	Thượng Bằng La	PTDTBT TH&THCS Ban Công	Hạnh Phúc	63,0	63,0	Trúng tuyển NV1		



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
348	Trần Đình Sơn	12/12/1990	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Âm nhạc	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	50,5	55,5	Trúng tuyển NV1		
349	Lê Xuân Sa	20/12/2001	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tin học	PTDTBT THCS La Pan Tân	Cao Sơn	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	88,5	93,5	Trúng tuyển NV1		
350	Hoàng Đức Doanh	28/02/1999	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	PTDTBT THCS Suối Thầu	Mường Bo	TH&THCS Thanh Phú	Mường Bo	73,0	78,0	Trúng tuyển NV1		
351	Lưu Đình Tiến	09/01/1988	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	PTDTBT THCS Ta Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT TH&THCS Đèn Sáng	Đèn Sáng	78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
352	Bùi Quỳnh Trang	21/11/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Tin học	TH&THCS Đại Minh	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	78,5	78,5	Trúng tuyển NV1		
353	Hoàng Thị Thu Nguyệt	18/03/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	TH&THCS Kim Sơn	Bao Hà	TH&THCS Việt Tiến	Phúc Khánh	66,0	71,0	Trúng tuyển NV1		
354	Phạm Thị Huế	16/04/1985	Nữ	Kinh			Đại học	Tin học	TH&THCS Nà Hâu	Tân Hợp	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	50,5	50,5	Trúng tuyển NV1		
355	Phùng Thế Linh	02/05/1993	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	TH&THCS Tân Lập	Tân Lĩnh	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	68,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
356	Lương Thu Uyên	06/07/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Tin học	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	74,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
357	Hoàng Vũ Linh	29/09/2002	Nam	Kinh			Đại học	Tin học	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	83,0	83,0	Trúng tuyển NV1	THCS Yên Phú	
358	Vương Thế Nhật	02/08/2000	Nam	Giáy	DTTS	5	Đại học	Tin học	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	PTDTBT THCS La Pan Tân	Cao Sơn	78,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
359	Hoàng Đình Dũng	20/08/1984	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tin học	THCS Cán Cầu	Sì Ma Cai	THCS Sìn Chéng	Sìn Chéng	50,0	55,0	Trúng tuyển NV1		
360	Hoàng Thị Thu	10/05/1995	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	THCS Điện Quan	Thương Hà	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	62,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
361	Ta Quyên Linh	09/03/1998	Nam	Kinh	NV thar	2,5	Đại học	Tin học	THCS Minh Tân	Thương Hà	THCS Điện Quan	Thương Hà	65,5	68,0	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Minh Tân	
362	Nguyễn Lâm Dũng	05/12/2001	Nam	Kinh			Đại học	Tin học	THCS Phú Nham	Trung Tâm	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	59,5	59,5	Trúng tuyển NV1		
363	Ta Thị Thuý	30/07/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Tin học	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Cô Phúc	Trần Yên	80,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
364	Nông Kiều Diễm	31/03/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	THCS số 1 Vô Lao	Vô Lao	TH&THCS Kim Sơn	Bao Hà	60,5	65,5	Trúng tuyển NV1		